TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 133/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 23 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

* Ông **Trần Văn V**, sinh năm 1990.

Căn cước số: 048090005321 do Bộ Công an cấp ngày 15/12/2025.

Nơi cư trú: K256/1 đường N, Tổ 29C phường A, thành phố Đà Nẵng.

* Bà **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1990.

Căn cước công dân số: 049190004319 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2021.

Nơi cư trú: Tổ 29 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng nay là Tổ 29C phường A, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng T xây dựng gia đình với nhau năm 2017, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng nay là Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường phát sinh cãi vã, nói năng không tôn trọng nhau, vợ chồng không cùng tiếng nói chung, sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên hoà giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay, không ai có trách nhiệm với

nhau. Nay ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng T xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng T xác định có 02 con chung là Trần Nhất P, sinh ngày: 19/6/2019 và Trần Trọng P, sinh ngày: 08/12/2023. Ly hôn ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng T thống nhất thoả thuận giao con chung Trần Trọng P cho ông Trần Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Trần Nhất P cho bà Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng T xác định không có nợ chung.

Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đồng ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng T mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0000307 ngày 12/01/2026.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng T (Giấy chứng nhận kết hôn số 94, ngày 28/8/2017, tại Ủy ban nhân dân phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng nay là Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng T về việc nuôi con chung như sau:

Giao con chung Trần Nhất P, sinh ngày: 19/6/2019 cho bà Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Giao con chung Trần Trọng P, sinh ngày: 08/12/2023 cho ông Trần Văn V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng T xác định vợ chồng không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: Ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng T xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng T mỗi người phải chịu 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 0000307 ngày 12/01/2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường A, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tô Thị Thy Tuyết